CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Ngày 30/09/2025	4,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-2.2%**	**-8.2%**

DT thuần
Q3/25
24.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.8| -52.5%
YoY: ▼2.00| -7.5%

LN thuần
Q3/25
4.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.07| 30.2%
YoY: ▲ 2.77| 151%

LN sau thuế
Q3/25
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.80| -82.0%
YoY: ▼3.91| -95.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.6%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q3/25
-0.1%
YoY: +/-▼ 0.7%

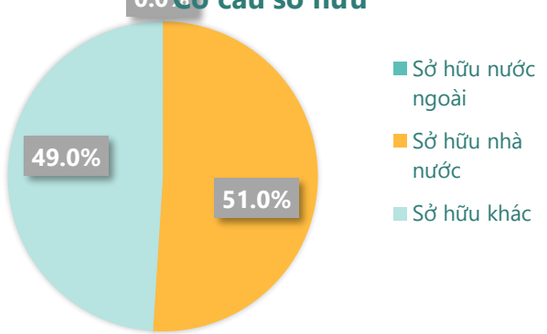
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 6,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,175
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.12
EPS	-10
P/E	-452.8

DT thuần
9T 2025
134
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.4| 43.4%

LN thuần
9T 2025
10.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.66| 527%

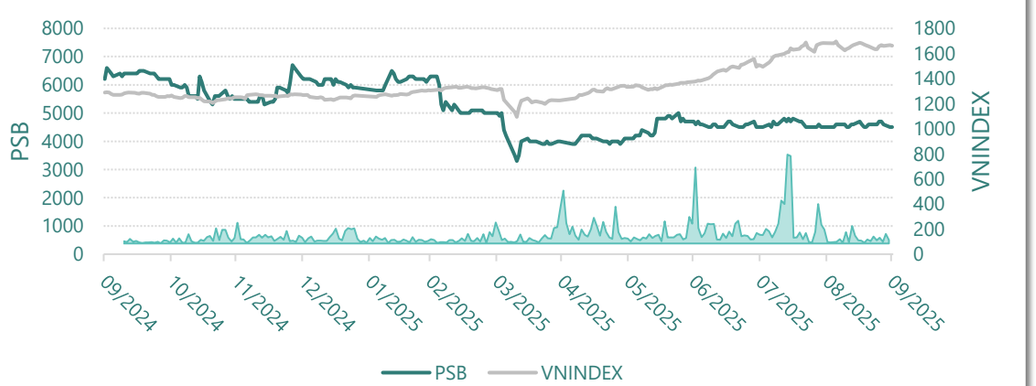
LN sau thuế
9T 2025
1.48
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.25| -45.7%

Cơ cấu sở hữu

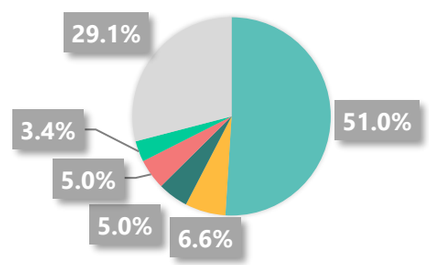


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

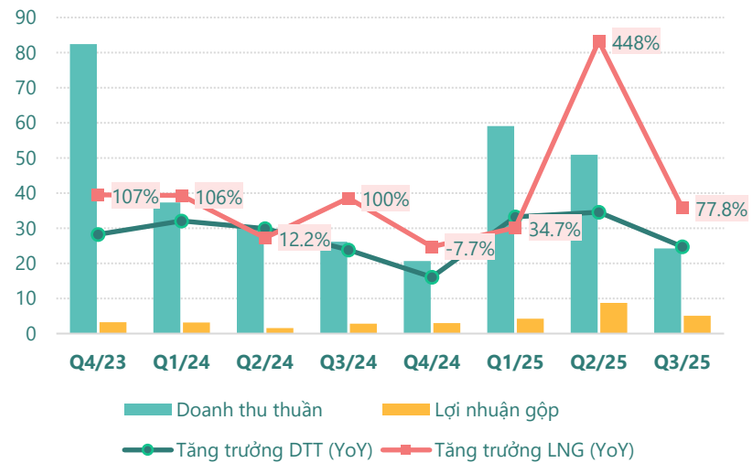


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- CTCP Dịch vụ và Tư vấn Tương Lai
- CTCPP Dịch vụ Đầu tư Mặt Trời Việt
- CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn
- Chi cục thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội

(Nguồn: fireant.vn)

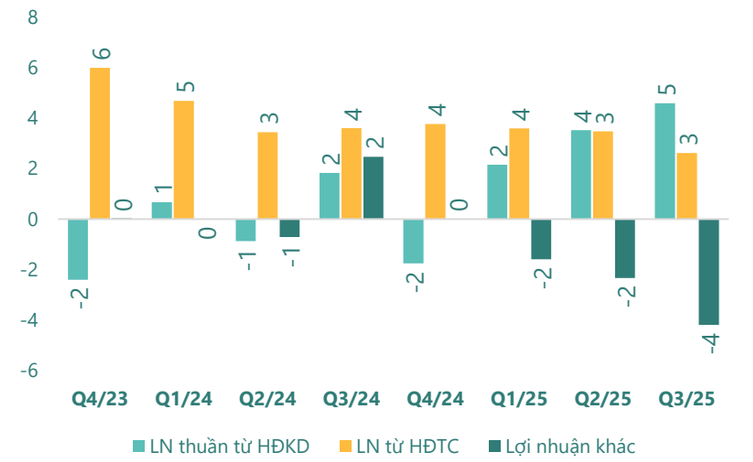
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



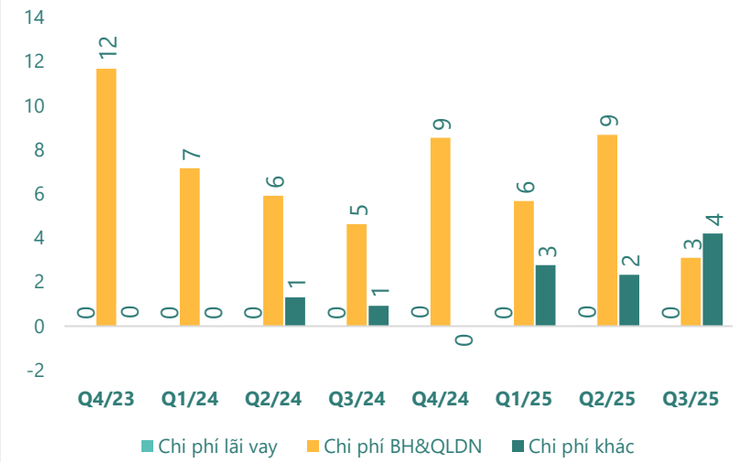
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



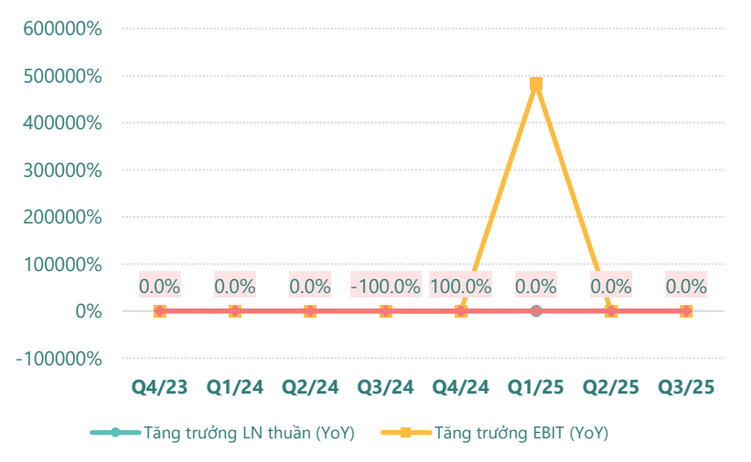
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



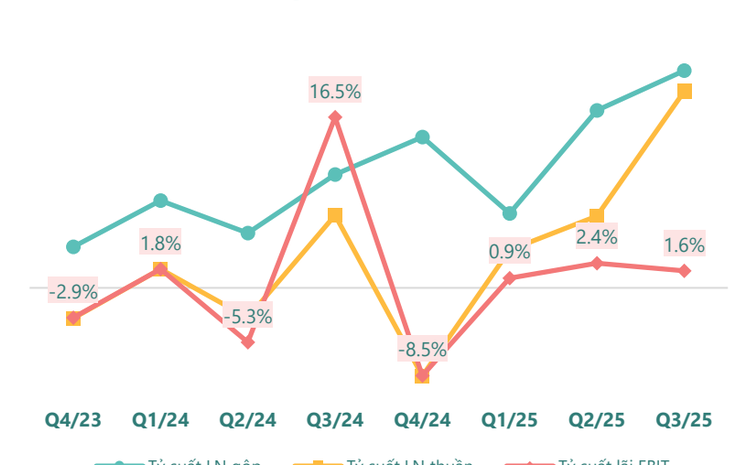
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



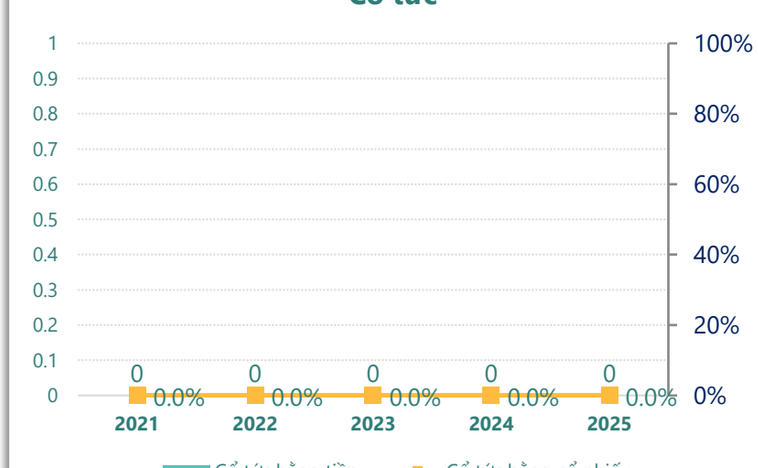
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

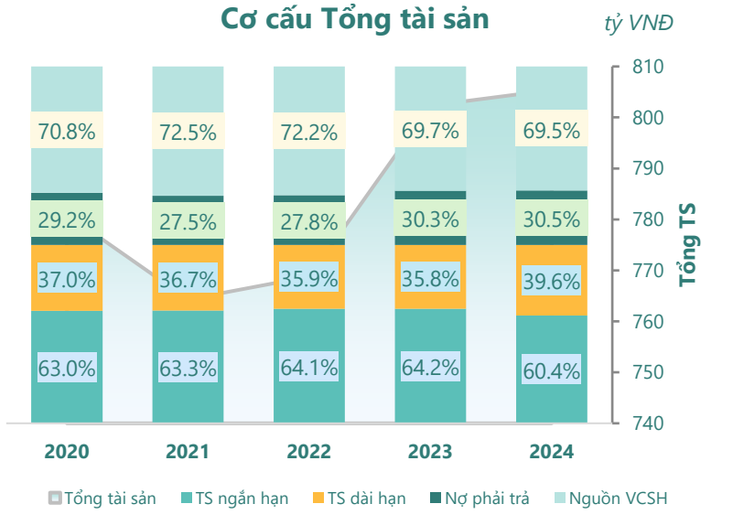
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

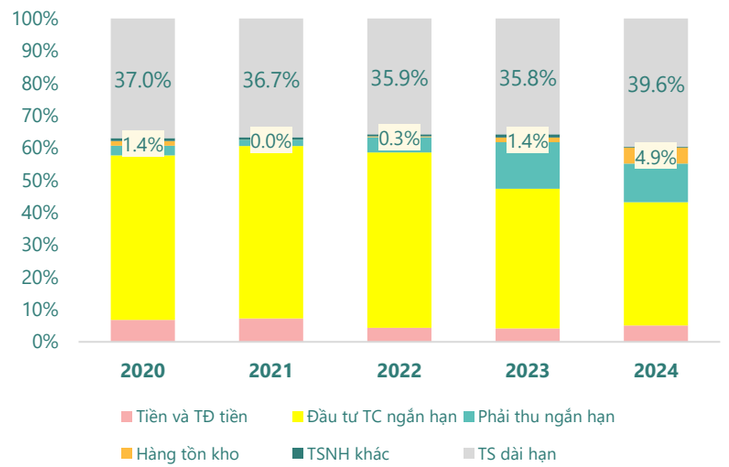
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



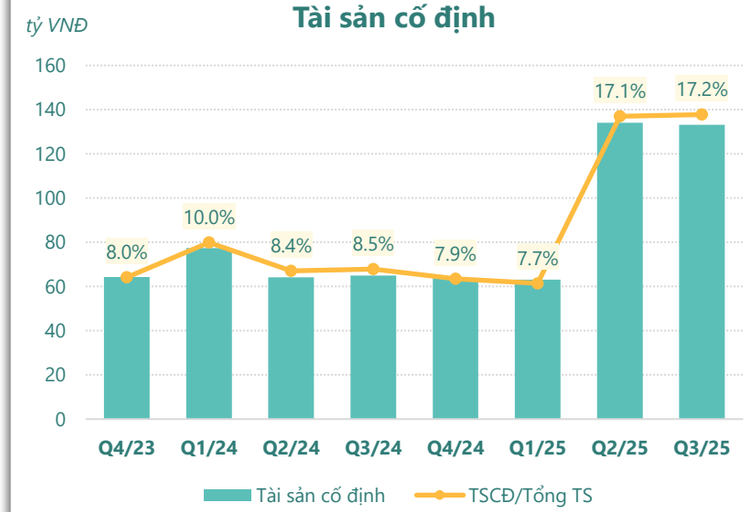
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



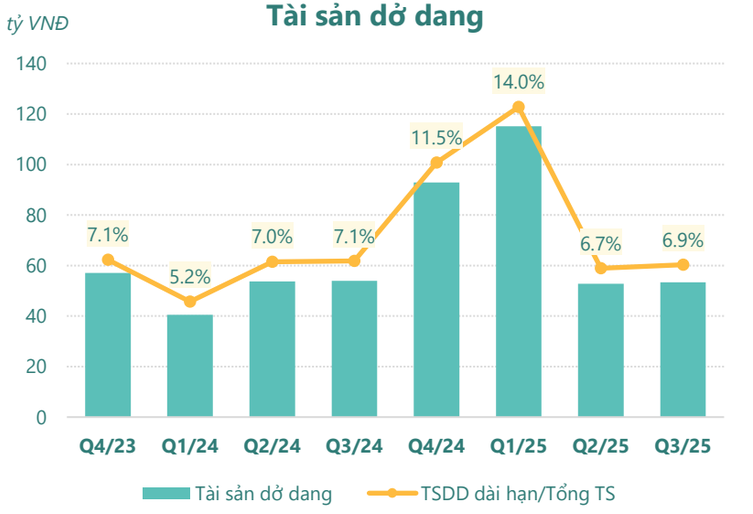
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



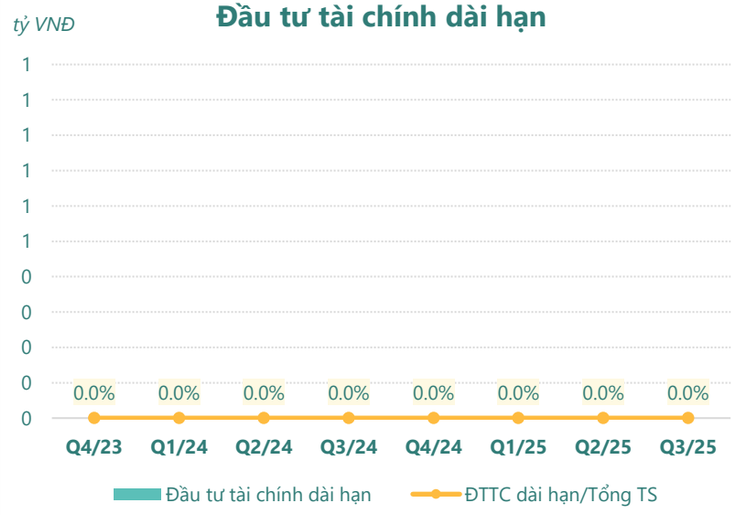
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



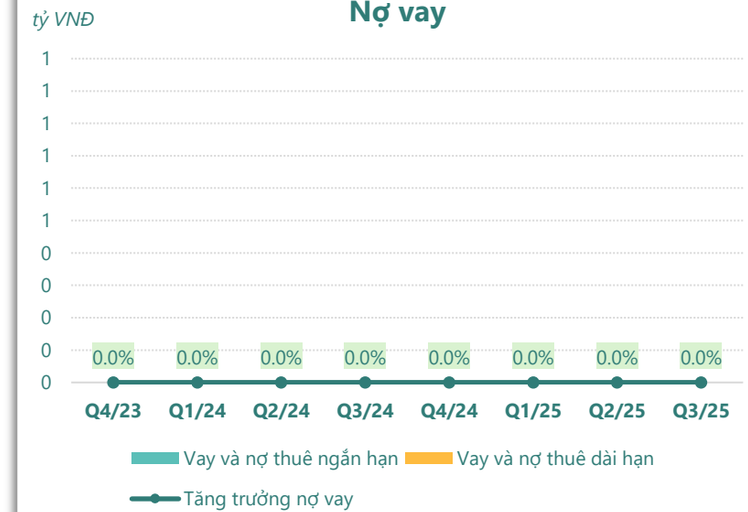
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

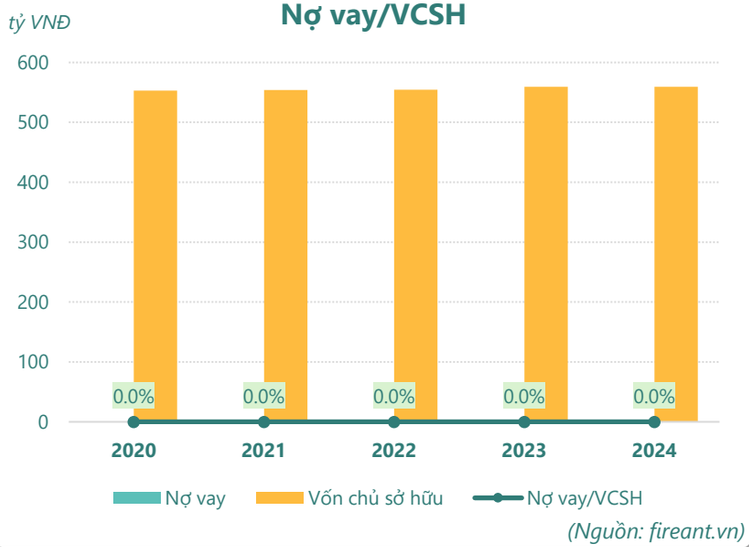
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

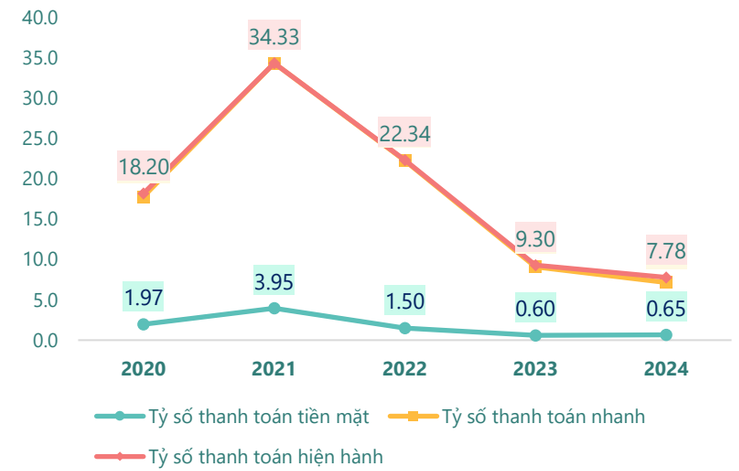
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



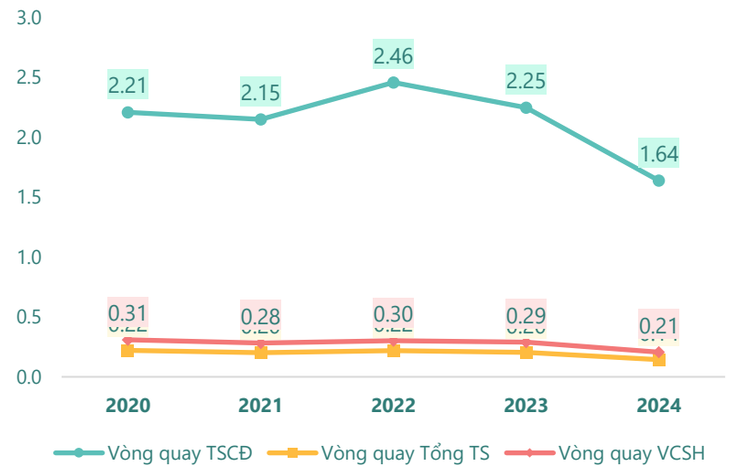
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



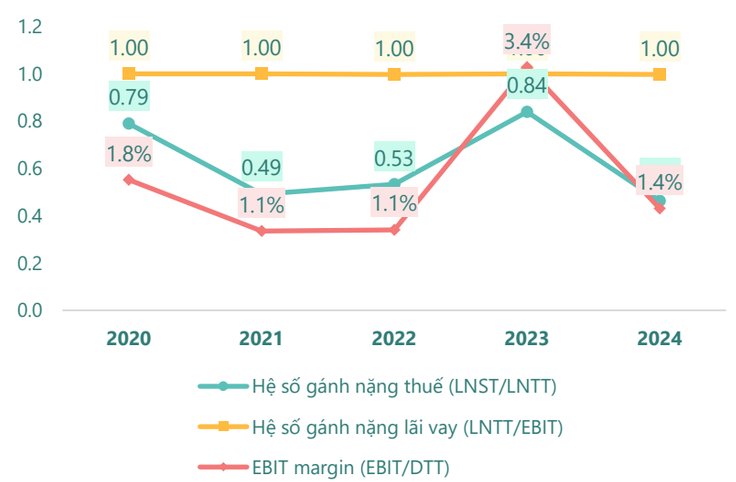
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



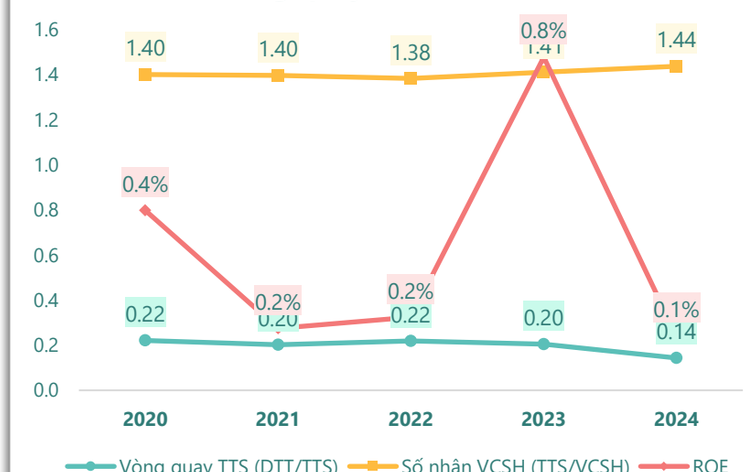
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



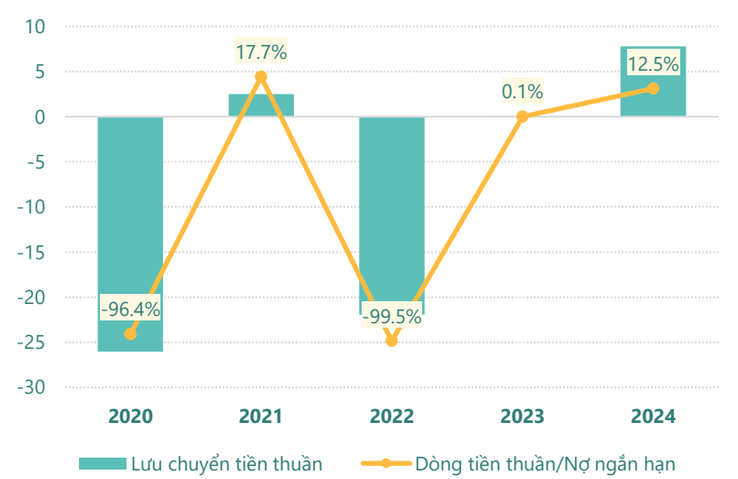
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**24.2**	**26.2**	**-7.5%**	**134**	**93.6**	**43.4%**
Giá vốn hàng bán	19.2	23.3	-17.7%	116	86.1	35.1%
Lợi nhuận gộp	5.08	2.86	77.6%	18.0	7.59	138%
Doanh thu HĐTC	2.65	3.88	-31.6%	9.75	12.6	-22.5%
Chi phí TC	0.03	0.27	-88.9%	0.05	0.82	-93.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.15	0.15	-2.9%	0.44	0.44	0.0%
Chi phí QLDN	**2.96**	**4.49**	**-34.1%**	**17.0**	**17.3**	**-1.5%**
LN thuần từ HĐKD	4.60	1.83	151%	10.3	1.64	527%
Lợi nhuận khác	**-4.20**	**2.47**	**-270%**	**-8.13**	**1.76**	**-563%**
LN trước thuế	0.40	4.31	-90.8%	2.15	3.39	-36.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.17**	**4.08**	**-95.7%**	**1.48**	**2.73**	**-45.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.17**	**4.08**	**-95.7%**	**1.48**	**2.73**	**-45.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-44.8	33.0	-18.8	-27.7	21.6	11.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	59.7	-52.6	42.2	-10.1	3.95	-26.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	22.4	37.2	17.2	40.8	3.07	28.7
Lưu chuyển tiền thuần	**14.9**	**-19.7**	**23.4**	**-37.7**	**25.6**	**-14.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.19	-0.34	0.26	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	37.2	17.2	40.8	3.07	28.7	13.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**773**	**805**	**-4.0%**
Tài sản ngắn hạn	428	486	-11.9%
Tiền và tương đương tiền	13.9	40.8	-66.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	197	307	-35.8%
Phải thu ngắn hạn	204	96.3	112%
Hàng tồn kho	5.48	39.7	-86.2%
Tài sản ngắn hạn khác	7.65	2.29	235%
Tài sản dài hạn	**345**	**319**	**8.0%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.00	400%
Tài sản cố định	133	63.9	108%
Bất động sản đầu tư	156	160	-2.2%
Tài sản dở dang	53.4	92.9	-42.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.31**	**2.80**	**-17.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	213	246	-13.6%
Nợ ngắn hạn	**32.4**	**62.5**	**-48.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.81	4.50	51.1%
Nợ dài hạn	180	183	-1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.2%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)